Ký bởi: Sở Y tế
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 12/07/2024 18:34:00

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:1244 /TB-SYT

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO
Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế;

Sở Y tế trân trọng thông báo:

1. Kể từ ngày 12/7/2024, Sở Y tế tổ chức thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần đối với 108 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế.

Danh mục 108 thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần gửi kèm theo thông báo này.

2. Sở Y tế đề nghị tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp có liên quan tích cực hưởng ứng và thực hiện việc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, Hệ thống Dịch vụ công trực tuyến về Quản lý Trang thiết bị y tế, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Bộ Y tế nhằm góp phần giảm thiểu thời gian, chi phí của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, tăng cường hiệu quả việc giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến của Sở Y tế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có ý kiến góp ý, xin vui lòng liên hệ số điện thoại hướng dẫn: 0255 3 935 555 *(Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của Sở Y tế tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh).*

Sở Y tế trân trọng thông báo đến các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp được biết để chủ động và thuận tiện trong giải quyết công việc./.

Nơi nhận:
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Trung tâm PV-KSTTHC tỉnh (p/h);
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- GĐ, các PGĐ Sở Y tế;
- Thanh tra Sở và các phòng chức năng Sở Y tế;
- Đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Phòng Y tế huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ sở y tế ngoài công lập;
- Cổng thông tin điện tử Sở Y tế;
- Cán bộ Sở Y tế tại TT PV-KSTTHC tỉnh ;
- Lưu: VT, VP(vth).

GIÁM ĐỐC

Phạm Minh Đức

DANH MỤC

Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Thông báo số /TB-SYT ngày /7/2024 của Sở Y tế Quảng Ngãi)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
A	**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**		**43**	**65**	**44**
I	**Lĩnh vực Khám chữa bệnh**				
1	1.012256.000.00.00.H48	Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành		X	
2	1.012259.000.00.00.H48	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		X	X
3	1.012265.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		X	X
4	1.012269.000.00.00.H48	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		X	

5	1.012270.000.00.00.H48	Điều chỉnh giấy phép hành nghề		X	X
6	1.012271.000.00.00.H48	Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền		X	X
7	1.012271.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền		X	X
8	1.012273.000.00.00.H48	Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền		X	
9	1.012275.000.00.00.H48	Đăng ký hành nghề		X	
10	1.012276.000.00.00.H48	Thu hồi giấy phép hành nghề trong trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 Luật Khám bệnh, chữa bệnh		X	
11	1.012278.000.00.00.H48	Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh		X	
12	1.012279.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh		X	
13	1.012280.000.00.00.H48	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh		X	
14	1.012281.000.00.00.H48	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS		X	
15	1.012257.000.00.00.H48	Cho phép tổ chức đoàn khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo		X	

16	1.012258.000.00.00.H48	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh		X	
17	1012260.000.00.00.H48	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa	X		
18	1012261.000.00.00.H48	Cho phép thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa	X		
19	1012262.000.00.00.H48	Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật		X	
20	1012289.000.00.00.H48	Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		X	X
21	1012290.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		X	X
22	1012291.000.00.00.H48	Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		X	X

23	1012292.000.00.00.H48	Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng		X	X
24	1.001138.000.00.00.H48	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ		X	
25	2.000559.000.00.00.H48	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ		X	
26	2.000552.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm		X	
27	1.006780.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng		X	
28	1.001086.000.00.00.H48	Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế		X	
29	1.002464.000.00.00.H48	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	X		
30	1.000562.000.00.00.H48	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	X		
31	1.000511.000.00.00.H48	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	X		

II	**Lĩnh vực Y tế dự phòng**				
32	1.012096.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp		X	
33	1.004564.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp		X	
34	1.000844.000.00.00.H48	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS		X	
35	1.002204.000.00.00.H48	Kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người		X	X
36	2.000981.000.00.00.H48	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa		X	X
37	2.000972.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt		X	X
38	2.000993.000.00.00.H48	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải		X	X
39	1.006422.000.00.00.H48	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		X	
40	1.003481.000.00.00.H48	Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng đồng		X	
41	1.004612.000.00.00.H48	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng		X	

42	1.003468.000.00.00.H48	Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người có tiền sử nghiện chất dạng thuốc phiện trong các cơ sở trại giam, trại tạm giam, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng		X	
43	1.004606.000.00.00.H48	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý		X	
44	1.004600.000.00.00.H48	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người nghiện chất dạng thuốc phiện được trở về cộng đồng từ cơ sở quản lý		X	
45	1.004488.000.00.00.H48	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện		X	
46	1.004477.000.00.00.H48	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự		X	
47	1.004471.000.00.00.H48	Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất		X	
48	1.004461.000.00.00.H48	Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ		X	
49	1.003958.000.00.00.H48	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		X	
50	2.000655.000.00.00.H48	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	X		

51	1.001386.000.00.00.H48	Xác định trường hợp được bồi thường khi xảy ra tai biến trong tiêm chủng		X	
52	1.003580.000.00.00.H48	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	X		
53	2.000997.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng		X	X
54	1.006422.000.00.00.H48	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		X	
55	1.006431.000.00.00.H48	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		X	
56	1.002944.000.00.00.H48	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	X		X
57	1.002467.000.00.00.H48	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	X		X
III	**Lĩnh vực Dược phẩm**				
58	1.004616.000.00.00.H48	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ	X		X

59	1.004604.000.00.00.H48	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược	X		
60	1.004599.000.00.00.H48	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất)	X		X
61	1.004596.000.00.00.H48	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ	X		X
62	1.002258.000.00.00.H48	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc		X	X
63	1.002339.000.00.00.H48	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại		X	X
64	1.004593.000.00.00.H48	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)		X	X

65	1.004585.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh; thay đổi địa điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)		X	X
66	1.004576.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	X		
67	1.004571.000.00.00.H48	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền)	X		
68	1.002952.000.00.00.H48	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc		X	X
69	1.002292.000.00.00.H48	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc		X	X
70	1.003001.000.00.00.H48	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc		X	X

71	1.004557.000.00.00.H48	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	X		
72	1.004532.000.00.00.H48	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế (Áp dụng với cơ sở có sử dụng, kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc trừ cơ sở sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu)	X		
73	1.002399.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		X	X
74	1.004529.000.00.00.H48	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	X		
75	1.004516.000.00.00.H48	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	X		X
76	1.004459.000.00.00.H48	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	X		

77	1.004449.000.00.00.H48	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	X		
78	1.004087.000.00.00.H48	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	X		
79	1.003963.000.00.00.H48	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc	X		X
80	1.003613.000.00.00.H48	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	X		X
81	1.002235.000.00.00.H48	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT	X		
82	1.002934.000.00.00.H48	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT	X		
83	1.001893.000.00.00.H48	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc	X		

84	1.009407.000.00.00.H48	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	X		
IV	**Lĩnh vực Mỹ phẩm**				
85	1.002483.000.00.00.H48	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm	X		X
86	1.000990.000.00.00.H48	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	X		
87	1.000793.000.00.00.H48	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	X		
88	1.000662.000.00.00.H48	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	X		
89	1.003055.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm		X	X
90	1.003064.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm		X	
91	1.003073.000.00.00.H48	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm	X		
92	1.002600.000.00.00.H48	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước	X		X
93	1.009566.000.00.00.H48	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	X		X

V	**Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng**				
94	1.003348.000.00.00.H48	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	X		X
95	1.003332.000.00.00.H48	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	X		X
96	1.003108.000.00.00.H48	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	X		X
97	1.002425.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		X	X
VI	**Lĩnh vực Trang thiết bị và Công trình y tế**				
98	1.003039.000.00.00.H48	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	X		X
99	1.003029.000.00.00.H48	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B	X		X
100	1.003006.000.00.00.H48	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	X		X
VII	**Lĩnh vực Tổ chức cán bộ**				

101	1.001523.000.00.00.H48	Bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	X		
102	1.001514.000.00.00.H48	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	X		
VIII	**Lĩnh vực Đào tạo và Nghiên cứu khoa học**				
103	1.004539.000.00.00.H48	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố		X	
IX	**Lĩnh vực Y, Dược cổ truyền**				
104	1.012415.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT		X	X
105	1.012416.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT		X	X
106	1.012417.000.00.00.H48	Cấp lại giấy chứng nhận lương y		X	
107	1.012418.000.00.00.H48	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền		X	X

108	1.012419.000.00.00.H48	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền		X	